

1. a. (0,5 điểm)

B. Bảy mươi tư

b. (0,5 điểm)

B. 82

2 a. (0,5 điểm)

A. 75; 76

b. (0,5 điểm)

B. 69, 78, 87, 95, 98

3. (1 điểm)

Đúng mỗi phép tính 0,25 điểm

4. (1 điểm)

Đúng mỗi phép tính 0,25 điểm

5. (1 điểm)

Đúng mỗi phép tính 0,25 điểm

6. (1 điểm)

Đúng mỗi phép tính 0,25 điểm

7. (1 điểm)

Đúng mỗi ý được 0,5 điểm

8. (1 điểm)

A, Có 6 hình tam giác

9. (1 điểm)

- Câu lời giải 0,25 điểm

- Phép tính đúng 0,5 điểm

- Đáp số đúng 0,25 điểm

10. (1 điểm)

Mỗi ý đúng được 0,5 điểm

Ma trận câu hỏi đề kiểm tra môn Toán lớp 1

Chủ đề	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Số học	Số câu	2		2	1	2		1	1	9
	Số điểm	2		2	1	2		1	1	9
2. Yếu tố hình học	Số câu					1				1
	Số điểm					1				1
3. Tổng	Số câu	2		2	1	3		1	1	10
	Số điểm	2		2	1	3		1	1	10

BÀI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Trường: Tiểu học

Năm học 2016 - 2017

Môn: Tiếng Việt

Họ tên:.....

Lớp: 1.....

Điểm

Giáo viên coi:.....

Giáo viên chấm:.....

A. Kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc bài sau và trả lời câu hỏi: (3 điểm)

Chim rừng Tây Nguyên

Chim đại bàng chân vàng mỏ đỏ chao lượn, bóng che rợp mặt đất. Bầy thiên nga trắng muốt chen nhau bơi lộn. Những con chim cơ-púc mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt, hót lanh lảnh như sáo. Chim piêu có bộ lông màu xanh lục. Chim vếch-ca mãi mê rửa bộ lông vàng óng. Chim câu xanh, chim sa-tan nhẹ nhàng cất tiếng hót gọi đàn. Chim từ các nơi miền Trường Sơn bay về đây.

Theo Thiên Lương

1. Khoanh tròn vào đáp án đúng.

Đoạn văn trên nhắc tới tên những loại chim quý nào của rừng Tây Nguyên? (M2-0,5đ)

a. Chim đại bàng, thiên nga, cơ-púc, họa mi, piêu, sáo sậu, sa-tan.

- b. Chim đại bàng, thiên nga, cơ-púc, piêu, vếch-ca, câu xanh, sa-tan.
- c. Chim đại bàng, thiên nga, cơ-púc, piêu, sáo sậu, sa-tan, khướu.

2. Khoanh tròn vào đáp án đúng

Chim đại bàng có đặc điểm gì? (M1- 0,5đ)

- a. Chân vàng mỏ đỏ.
- b. Khi chao lượn, bóng che rợp mặt đất.
- c. Chân vàng mỏ đỏ chao lượn, bóng che rợp mặt đất.

3. Khoanh tròn vào đáp án đúng

Những con chim cơ-púc có đặc điểm gì? (M1- 0,5đ)

- a. Mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt, hót lanh lảnh như tiếng sáo.
- b. Bộ lông màu vàng óng, hót lanh lảnh như tiếng sáo .
- c. Mình đỏ chót và nhỏ như quả ớt, tiếng hót nhẹ nhàng như gọi đàn.

4. Em hãy viết tiếp vào chỗ chấm để nói về đặc điểm của một số loài chim trong bài: Chim rừng Tây Nguyên. (M3- 1,0đ)

- Bầy thiên

nga.....

- Chim

piêu.....

- Chim vếch-

ca:.....

5. Khoanh tròn vào đáp án đúng

Những loài chim của rừng Tây Nguyên từ đâu bay về? (M2- 0,5đ)

- a. Từ miền Bắc bay về.
- b. Từ miền Trường Sơn bay về.
- c. Từ miền Nam bay về.

II. Đọc thành tiếng (7 điểm)

- GV kiểm tra HS đọc bài: Chim rừng Tây Nguyên

B. KIỂM TRA VIẾT

I. Viết chính tả (7 điểm)

Sông núi nước Nam

Sông núi nước Nam vua Nam ở,

Rành rành định phận tại sách trời.

Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm?

A. KIỂM TRA ĐỌC: (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (7 điểm)

- Đọc to, rõ ràng: 2 điểm nếu đọc to đủ nghe, rõ từng tiếng; 0 điểm nếu đọc chưa to và chưa rõ

- Đọc đúng: 2 điểm chỉ có 0-2 lỗi; 1 điểm nếu có 3-4 lỗi; 0 điểm nếu có hơn 4 lỗi

- Tốc độ đảm bảo 40-50 tiếng /phút: 2 điểm nếu đạt tốc độ này, 1 điểm nếu tốc độ khoảng 30 tiếng / phút ; 0 điểm nếu tốc độ dưới 50 tiếng / phút ;

- Ngắt nghỉ đúng ở dấu câu: 1 điểm nếu có 0-2 lỗi ; 0 điểm nếu có hơn 2 lỗi

II. Đọc hiểu (3 điểm)

1. B (0,5 điểm); 2. C (0,5 điểm); 3.A (0,5 điểm);

4. (1,0 điểm) : Mỗi ý đúng được 0,3 điểm

- Bầy thiên nga trắng muốt chen nhau bơi lộn.

- Chim piêu có bộ lông màu xanh lục.

- Chim véch-ca mái mê ria bộ long vàng óng.

5. B (0,5 điểm)

B. KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm)

I. Chính tả (7 điểm)

- Viết đúng tốc độ : 2 điểm.

- Viết đúng kiểu chữ thường, kiểu chữ, đúng chính tả: 2 điểm

- Không mắc quá 5 lỗi thì thôi, mắc quá 5 lỗi là trừ 2 điểm.

- Trình bày bài viết sạch đẹp, đúng quy định: 1 điểm

II. Bài tập (3 điểm)

1. Điền vào chỗ trống l hay n

(Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

Con **l**a

Quả **n**a

2. Điền vào chỗ trống c, k hoặc q

(Mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

- Con **c**ua bò ngang.

- Cái **k**iềng có ba chân.

- Mẹ mua cho em một cái quần bằng vải ca ki.

- Bà dạy em làm bánh cuốn.

3. Viết được một câu nói về mẹ của em đúng chính tả . (1,5đ)

Ma trận nội dung kiểm tra kiến thức và đọc hiểu cuối học kì II lớp 1

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu, số điểm	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
Kiến thức	Số câu	1	1	0	1	03
	Số điểm	0,5	1,0	0	1,5	03
Đọc hiểu văn bản	Số câu	2	2	1	0	05
	Số điểm	1	1	1	0	03
Tổng	Số câu	3	3	1	1	08
	Số điểm	1,5	2,5	1	1	06

Ma trận câu hỏi để kiểm tra đọc hiểu môn Tiếng Việt cuối học kì II lớp 1

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
			T N	T L	T N	T L	T N	TL	T N	T L		
1	Đọc hiểu văn bản	Số câu	2		2			1			0	5
		Câu số	2-3		1-5			4			0	5
2	Kiến thức Tiếng Việt	Số câu	1		1			0			1	3
		Câu số	1		2			0			3	3
Tổng số câu			3		3			1			1	8

Trường tiểu học số 1 Thủy Phù

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Họ và tên:

MÔN: TIẾNG VIỆT - LỚP 1

Lớp:

Năm học: 2016 - 2017

Thời gian làm bài: ...

A. KIỂM TRA ĐỌC:

I. Đọc thành tiếng: (7điểm)

Giáo viên cho học sinh đọc một đoạn trong các bài tập đọc đã học.

II. Đọc thầm đoạn văn sau:

HAI NGƯỜI BẠN

Hai người bạn đang đi trong rừng, bỗng đâu, một con gấu chạy xộc tới.

Một người bỏ chạy, vội trèo lên cây.

Người kia ở lại một mình, chẳng biết làm thế nào, đành nằm yên, giả vờ chết.

Gấu đến ghé sát mặt người ngủ, cho là người chết, bỏ đi.

Khi gấu đã đi xa, người bạn tụt xuống, cười hỏi:

- Ban nãy, gấu thì thào với cậu gì thế?
- À, nó bảo rằng kẻ bỏ bạn trong lúc hoạn nạn là người tồi.

Lép Tôn-xtôi

*Khoanh vào câu trả lời **đúng nhất**:*

Câu 1 (M1-1đ) Hai người bạn đang đi trong rừng thì gặp chuyện gì?

A. Một con gấu xộc tới.

B. Một con hổ xộc tới.

MA TRẬN ĐỀ MÔN TIẾNG VIỆT CUỐI KÌ II LỚP 1

NĂM HỌC 2016 – 2017

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu, số điểm, câu số	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	T	TL	TN	TL
Đọc hiểu văn bản	Số câu	2		1						3	
	Số điểm	2,0		1,0						3,0	
	Câu số	1 ; 2		3							
Kiến thức Tiếng Việt	Số câu	1		1						2	
	Số điểm	1,0		1,0			1,0			2,0	
	Câu số	1		2			3				
TỔNG	Số câu	3		2			1			5	
	Số điểm	3,0		2,0			1,0			5,0	
	Câu số	1 ; 2 ; 1		3,2			3				

ĐÁP ÁN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ II - LỚP 1

NĂM HỌC: 2016-2017

MÔN: TIẾNG VIỆT 1- CGD

A. Kiểm tra đọc: (10 Điểm)

1. Đọc thành tiếng: 7 Điểm

- HS đọc trơn, đọc đúng, đọc rõ từng tiếng, từ và biết ngắt câu.
- Tốc độ đọc 30 tiếng/ 1 phút

2. Kiểm tra đọc hiểu (3 điểm)

Câu 1; 2; 3 (mỗi câu 1 điểm)

Câu 1. A Câu 2. C Câu 3. B

B / Kiểm tra viết : 10 điểm

1. Chính tả : 7 điểm

GV đọc cho HS nghe viết bài sau với tốc độ 2 tiếng/ 1 phút:

Đình Bộ Lĩnh

Thuở nhỏ, cậu bé Đình Bộ Lĩnh rủ trẻ chăn trâu trong làng tập trận giả. Cậu được các bạn tôn làm tướng. Cậu lấy bông lau làm cờ, đánh trận nào thắng trận nấy.

Có lần thắng trận, cậu mô trâu của chú đem khao quân.

- Tốc độ đạt yêu cầu; chữ viết rõ ràng, viết đúng khoảng cách, cỡ chữ; trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp : 1 điểm

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 6 điểm

- Các mức điểm khác (dưới 6 điểm) tùy mức độ sai sót GV ghi điểm cho phù hợp.

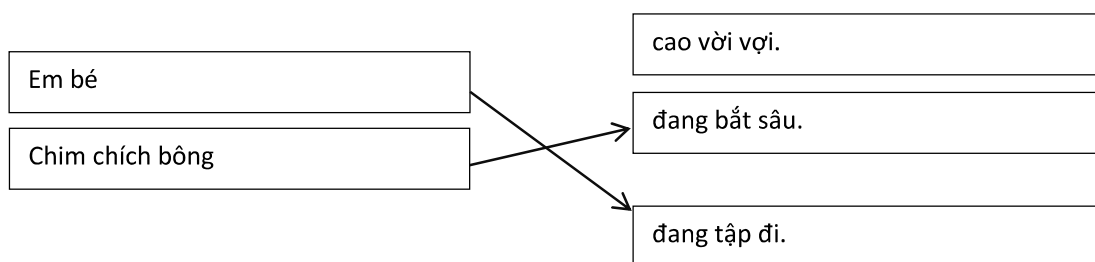
2. Bài tập chính tả và kiến thức tiếng việt: (3 điểm)

Câu 1: Điền vào chỗ trống? (M1-1đ)

a, Điền **g** hay **gh** gà gô, ghé gỗ

b, Điền **s** hay **x** cây sủng, cây xoan

Câu 2: Nối: (M2- 1 đ) Mỗi câu nối đúng được 0,5 đ



Câu 3: Hãy viết tên **hai** người bạn tốt của em? (M3- 1đ)

HS viết được tên hai người và viết đúng luật chính tả viết hoa. Mỗi tên viết đúng 0,5 đ.

MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA

Môn: Tiếng Việt

CHỦ ĐỀ	Số câu và số	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Tổng
--------	--------------	-------	-------	-------	-------	------

	điểm	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1. Đọc hiểu văn bản	Số câu	2		2			1			5
	Số điểm	1		1			1			3
2. Kiến thức tiếng việt	Số câu	1		2			1			3
	Số điểm	1,5		1,5			1			3
3. Tổng	Số câu	3		4			2			9
	Số điểm	1,5		2			2			6

Trường Tiểu học
KÌ II

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HỌC

Lớp:

LỚP 1 - NĂM HỌC: 2016-2017

Họ và tên:.....

Môn: Tiếng Việt

Thời gian: 40 phút

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê của cô giáo</u>

A / KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)

I/ ĐỌC THÀNH TIẾNG (7điểm)

Chú gà trống ưa dậy sớm

Càng về sáng, tiết trời càng lạnh giá.

Trong bếp, bác mèo mướp vẫn nằm lì bên đồng tro ấm. Bác lim dim đôi mắt, luôn miệng gừ gừ kêu: “Rét! Rét!”

Thế nhưng, mới sớm tinh mơ, chú gà trống đã chạy tót ra giữa sân.

Chú vươn mình, dang đôi cánh to, khỏe như hai chiếc quạt, vỗ cánh phành phạch, rồi gáy vang: “Ò ... ó ... o ... o ...”

Theo sách Tiếng Việt lớp 2 cũ

TRẢ LỜI CÂU HỎI: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Bác mèo mướp nằm ngủ ở đâu? (-0,5 điểm)

- A. Bên đồng tro ấm B. Trong bếp C. Trong sân D. Ngoài vườn

Câu 2: Mới sớm tinh mơ, con gì đã chạy tót ra giữa sân? (0,5 điểm)

- A. Mèo mướp B. Chú gà trống C. Chị gà mái D. Chó xù

Câu 3: Chú gà trống chạy tót ra giữa sân để làm gì? (0,5 điểm)

- A. Tắm nắng B. Nhảy múa C. Tìm thức ăn D. Gáy vang: Ò...ó...o... o...!

Câu 4: Ý nào diễn tả đôi mắt của bác mèo mướp (0,5 điểm)

- A. Tròn xoe như hai viên bi B. Lim dim đôi mắt
C. Đôi mắt sáng long lanh D. Đôi mắt sáng rực lên

Câu 5: Em hãy viết câu tả đôi cánh chú gà trống. (1 điểm)

II. Kiểm tra Nghe – Nói (1 điểm) Giáo viên : Hỏi 1 trong 2 câu sau:

1. Em đã bao giờ nhìn thấy con mèo chưa?

MA TRẬN CÂU HỎI ĐỀ KIỂM TRA TOÁN 1

CHỦ ĐỀ	Số câu/ Câu số/ Điểm số	Mức 1 (3)		Mức 2 (3)		Mức 3 (3)		Mức 4 (1)		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
SỐ HỌC	Số câu	3		2			1		1	5	1
	Câu số	1,2,3		4,5			8		10		
	Số điểm	3		2			1				
ĐẠI LƯỢNG	Số câu			1					1	1	1
	Câu số			6					10		
	Số điểm			1					1		
HÌNH HỌC	Số câu					1				1	
	Câu số					7					
	Số điểm					1					
	Số câu						1				1